

Điểm thi : **Trường Đại học Luật Hà Nội**

Trang 1

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	Phái	Chuyên ngành	Số tờ	Ký tên
1	C.00009	Mai Thị Quỳnh	Anh	19-03-1996	Nữ	Luật hiến pháp và Luật HC		
2	.00016	Phan Xuân	Anh	25-06-1994	Nữ	Luật hiến pháp và Luật HC		
3	.00019	Võ Quỳnh	Anh	07-09-1981	Nữ	Luật hiến pháp và Luật HC		
4	.00022	Lâm Quang	An	23-07-1997		Luật hiến pháp và Luật HC		
5	.00029	Nguyễn Thị Thúy	Bình	31-05-1978	Nữ	Luật hiến pháp và Luật HC		
6	.00036	Đỗ Xuân	Cường	22-12-1982		Luật hiến pháp và Luật HC		
7	.00039	Trần Thị	Dung	23-12-1986	Nữ	Luật hiến pháp và Luật HC		
8	.00058	Nguyễn Hoàng	Giang	27-09-1991		Luật hiến pháp và Luật HC		
9	.00061	Nguyễn Thanh	Hải	13-03-1992		Luật hiến pháp và Luật HC		
10	.00077	Phạm Trung	Hiếu	23-01-1994		Luật hiến pháp và Luật HC		
11	.00086	Nguyễn Thị	Hồng	12-11-1991	Nữ	Luật hiến pháp và Luật HC		
12	.00087	Phan Thị ánh	Hồng	17-11-1983	Nữ	Luật hiến pháp và Luật HC		
13	.00089	Đào Thị	Huệ	04-11-1990	Nữ	Luật hiến pháp và Luật HC		
14	.00093	Nguyễn Quang	Huy	09-08-1997		Luật hiến pháp và Luật HC		
15	.00119	Nguyễn Trung	Kiên	09-09-1995		Luật hiến pháp và Luật HC		
16	.00120	Trần Đức	Kiên	16-10-1996		Luật hiến pháp và Luật HC		
17	.00121	Ngô Xuân	Kỳ	05-12-1996		Luật hiến pháp và Luật HC		
18	.00122	Nguyễn Hoàng	Lan	05-08-1984	Nữ	Luật hiến pháp và Luật HC		
19	.00127	Hà Thị Nhật	Lệ	31-08-1997	Nữ	Luật hiến pháp và Luật HC		
20	.00134	Đỗ Đình	Linh	10-12-1996		Luật hiến pháp và Luật HC		
21	.00136	Hoàng Thùy	Linh	06-11-1997	Nữ	Luật hiến pháp và Luật HC		
22	.00159	Lê Thu Hải	Ly	14-09-1991	Nữ	Luật hiến pháp và Luật HC		
23	.00201	Nguyễn Thị Kim	Phượng	04-04-1989	Nữ	Luật hiến pháp và Luật HC		
24	.00205	Trần Anh	Quang	29-06-1983		Luật hiến pháp và Luật HC		
25	.00210	Bùi Quý	Quyên	02-09-1984		Luật hiến pháp và Luật HC		
26	.00213	Phạm Ngọc	Quỳnh	15-07-1996	Nữ	Luật hiến pháp và Luật HC		
27	.00246	Phạm Thanh	Thiểm	27-11-1977		Luật hiến pháp và Luật HC		
28	.00248	Đỗ Hưng	Thịnh	12-02-1985		Luật hiến pháp và Luật HC		
29	.00260	Hoàng Thị	Thương	22-11-1992	Nữ	Luật hiến pháp và Luật HC		
30	.00266	Đồng Thu	Trang	28-08-1998	Nữ	Luật hiến pháp và Luật HC		
31	.00279	Nguyễn Thành	Trung	28-09-1984		Luật hiến pháp và Luật HC		
32	.00280	Trần Quang	Trung	03-11-1981		Luật hiến pháp và Luật HC		
33	.00282	Nguyễn Minh	Tuân	10-08-1983		Luật hiến pháp và Luật HC		
34	.00285	Lương Minh	Tuấn	06-02-1997		Luật hiến pháp và Luật HC		
35	.00290	Nguyễn Đôn	Tuyên	10-03-1980		Luật hiến pháp và Luật HC		
36	.00300	Nguyễn Lê Thu	Uyên	18-09-1998	Nữ	Luật hiến pháp và Luật HC		

Tổng số 36 thí sinh Số thí sinh chính thức dự thi: Số bài thi: Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH

Trường Đại học Luật Hà Nội

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

Điểm thi : **Trường Đại học Luật Hà Nội**

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	Phái	Chuyên ngành	Số tờ	Ký tên
1	C.00005	Lê Quỳnh	Anh	03-10-1994	Nữ	Luật Hình sự và TTHS		
2	.00024	Hoàng Việt	Bách	10-06-1985		Luật Hình sự và TTHS		
3	.00026	Nguyễn Đình Bình	Bắc	22-10-1997		Luật Hình sự và TTHS		
4	.00038	Nguyễn Thị	Dung	21-01-1980	Nữ	Luật Hình sự và TTHS		
5	.00049	Lê Quang	Đạo	21-07-1991		Luật Hình sự và TTHS		
6	.00054	Lê Tiến	Đức	06-01-1997		Luật Hình sự và TTHS		
7	.00060	Trần Thị Thu	Hà	11-11-1998	Nữ	Luật Hình sự và TTHS		
8	.00064	Trương Ngọc	Hải	13-11-1981		Luật Hình sự và TTHS		
9	.00075	Lương Đức	Hiếu	15-09-1997		Luật Hình sự và TTHS		
10	.00078	Nguyễn Tuấn	Hiệp	22-12-1979		Luật Hình sự và TTHS		
11	.00085	Trần Quốc	Hoàn	15-05-1980		Luật Hình sự và TTHS		
12	.00112	Vũ Thị Thanh	Hương	23-01-1995	Nữ	Luật Hình sự và TTHS		
13	.00137	Hoàng Chi	Linh	26-10-1997	Nữ	Luật Hình sự và TTHS		
14	.00171	Lê Đặng Việt	Mỹ	10-02-1997	Nữ	Luật Hình sự và TTHS		
15	.00175	Phạm Tiến	Nam	08-10-1990		Luật Hình sự và TTHS		
16	.00179	Hoàng Đại	Nghĩa	16-05-1998		Luật Hình sự và TTHS		
17	.00181	Nguyễn Hữu	Ngọc	19-04-1997		Luật Hình sự và TTHS		
18	.00193	Lê Thị Minh	Phương	28-08-1984	Nữ	Luật Hình sự và TTHS		
19	.00195	Nguyễn Thị Hà	Phương	23-10-1996	Nữ	Luật Hình sự và TTHS		
20	.00196	Nguyễn Thị Thanh	Phương	06-05-1996	Nữ	Luật Hình sự và TTHS		
21	.00198	Phạm Thị Hoàng	Phương	10-03-1997	Nữ	Luật Hình sự và TTHS		
22	.00199	Phạm Thu	Phương	15-10-1997	Nữ	Luật Hình sự và TTHS		
23	.00206	Đặng Thanh	Quân	28-07-1997		Luật Hình sự và TTHS		
24	.00215	Ngô Hồng	Sơn	14-03-1997		Luật Hình sự và TTHS		
25	.00218	Vũ Ngọc	Sơn	07-11-1995		Luật Hình sự và TTHS		
26	.00222	Ngô Đình Diệu	Tâm	19-10-1992	Nữ	Luật Hình sự và TTHS		
27	.00225	Vi Thị	Tâm	20-01-1997	Nữ	Luật Hình sự và TTHS		
28	.00226	Nguyễn Thị	Thanh	04-11-1993	Nữ	Luật Hình sự và TTHS		
29	.00229	Nguyễn Đình	Thanh	26-07-1983		Luật Hình sự và TTHS		
30	.00236	Trần Trí	Thành	04-03-1972		Luật Hình sự và TTHS		
31	.00262	Nguyễn Trọng	Thức	01-06-1987		Luật Hình sự và TTHS		
32	.00264	Nguyễn Việt	Tiến	23-09-1997		Luật Hình sự và TTHS		
33	.00265	Trịnh Thị	Toan	20-09-1993	Nữ	Luật Hình sự và TTHS		
34	.00269	Nguyễn Nha	Trang	02-09-1997	Nữ	Luật Hình sự và TTHS		
35	.00272	Phạm Thị Kiều	Trang	21-11-1995	Nữ	Luật Hình sự và TTHS		
36	.00298	Vũ Quang	Tùng	25-05-1996		Luật Hình sự và TTHS		

Tổng số 36 thí sinh Số thí sinh chính thức dự thi: Số bài thi: Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH

Trường Đại học Luật Hà Nội

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

Điểm thi : **Trường Đại học Luật Hà Nội**

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	Phái	Chuyên ngành	Số tờ	Ký tên
1	C.00006	Lê Hồng	Anh	06-12-1997	Nữ	Lý luận NN&PL		
2	.00013	Nguyễn Chí	Anh	01-10-1994		Tội phạm học và PNTTP		
3	.00018	Phùng Đức Hiếu	Anh	03-07-1990		Tội phạm học và PNTTP		
4	.00030	Nguyễn Thị Hiền	Châu	02-09-1997	Nữ	Lý luận NN&PL		
5	.00035	Lê Ngọc Minh	Cương	25-11-1982		Tội phạm học và PNTTP		
6	.00070	Trần Hồng	Hạnh	28-07-1986	Nữ	Lý luận NN&PL		
7	.00079	Phạm Thị	Hiền	06-06-1986	Nữ	Lý luận NN&PL		
8	.00082	Nguyễn Văn	Hoàng	20-11-1984		Lý luận NN&PL		
9	.00096	Chu Thị	Huyền	10-10-1986	Nữ	Lý luận NN&PL		
10	.00098	Ngô Thị	Huyền	16-08-1990	Nữ	Lý luận NN&PL		
11	.00102	Phạm Thị Thu	Huyền	10-11-1992	Nữ	Tội phạm học và PNTTP		
12	.00106	Nguyễn Việt	Hưng	06-11-1996		Lý luận NN&PL		
13	.00114	Nguyễn Văn	Khanh	13-06-1984		Tội phạm học và PNTTP		
14	.00131	Dương Khánh	Linh	20-06-1997	Nữ	Lý luận NN&PL		
15	.00142	Nguyễn Thùy	Linh	19-02-1997	Nữ	Tội phạm học và PNTTP		
16	.00163	Vũ Thị	Mai	02-07-1995	Nữ	Tội phạm học và PNTTP		
17	.00165	Chu Ngọc	Minh	18-06-1995		Tội phạm học và PNTTP		
18	.00191	Nguyễn Tiến	Phát	06-10-1997		Lý luận NN&PL		
19	.00202	Dương Văn	Quang	01-08-1988		Tội phạm học và PNTTP		
20	.00207	Ngô Thị	Quốc	13-12-1987	Nữ	Lý luận NN&PL		
21	.00234	Lê Khắc	Thành	30-05-1995		Lý luận NN&PL		
22	.00245	Giáp Thị Hồng	Thắm	09-12-1984	Nữ	Lý luận NN&PL		
23	.00247	Nguyễn Minh	Thị	20-08-1998	Nữ	Lý luận NN&PL		
24	.00250	Lưu Văn	Thông	24-08-1987		Lý luận NN&PL		
25	.00252	Ngô Thanh	Thủy	03-08-1996	Nữ	Lý luận NN&PL		
26	.00253	Ngô Thị Phương	Thúy	29-12-1987	Nữ	Lý luận NN&PL		
27	.00257	Phạm Thị Thu	Thủy	16-02-1998	Nữ	Lý luận NN&PL		
28	.00271	Ninh Thị	Trang	05-11-1998	Nữ	Lý luận NN&PL		
29	.00287	Nguyễn Đức	Tuấn	19-10-1998		Tội phạm học và PNTTP		
30	.00295	Khuất Duy	Tùng	27-07-1990		Tội phạm học và PNTTP		
31	.00305	Phạm	Vũ	19-06-1994		Tội phạm học và PNTTP		
32	.00307	Tô Thị	Xuyên	12-03-1988	Nữ	Lý luận NN&PL		

Tổng số 32 thí sinh Số thí sinh chính thức dự thi: Số bài thi: Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH

Trường Đại học Luật Hà Nội

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

Điểm thi : **Trường Đại học Luật Hà Nội**

Trang 4

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	Phái	Chuyên ngành	Số tờ	Ký tên
1	C.00014	Nguyễn Tiến	Anh	05-06-1995		Luật quốc tế		
2	.00033	Vũ Văn	Chung	28-10-1975		Luật quốc tế		
3	.00042	Phạm	Duy	08-03-1997		Luật quốc tế		
4	.00045	Quách Sĩ	Dũng	24-06-1976		Luật quốc tế		
5	.00062	Phạm Văn	Hải	25-12-1983		Luật quốc tế		
6	.00088	Hà Văn	Hội	15-05-1998		Luật quốc tế		
7	.00100	Nguyễn Thị	Huyền	04-09-1979	Nữ	Luật quốc tế		
8	.00101	Nguyễn Thị	Huyền	17-04-1977	Nữ	Luật quốc tế		
9	.00143	Nguyễn Mai	Linh	22-03-1998	Nữ	Luật quốc tế		
10	.00152	Hoàng Phước	Long	25-04-1992		Luật quốc tế		
11	.00155	Nguyễn Duy	Lộc	04-10-1992		Luật quốc tế		
12	.00160	Bùi Thị Thanh	Mai	01-01-1998	Nữ	Luật quốc tế		
13	.00166	Hoàng Thị Tuyết	Minh	04-10-1987	Nữ	Luật quốc tế		
14	.00174	Phan Hoàng	Nam	12-04-1997		Luật quốc tế		
15	.00177	Lê Thị	Ngân	31-01-1998	Nữ	Luật quốc tế		
16	.00178	Nguyễn Thúy	Ngân	28-06-1998	Nữ	Luật quốc tế		
17	.00221	Đinh Thị	Tâm	03-03-1995	Nữ	Luật quốc tế		
18	.00228	Nguyễn Phương	Thanh	25-09-1993	Nữ	Luật quốc tế		
19	.00230	Phạm Thị	Thanh	24-06-1986	Nữ	Luật quốc tế		
20	.00244	Phạm Thu	Thảo	25-08-1997	Nữ	Luật quốc tế		
21	.00278	Nguyễn Thành	Trung	14-05-1980		Luật quốc tế		
22	.00284	Tạ Văn	Tuân	22-03-1984		Luật quốc tế		
23	.00302	Nguyễn Thị	Vân	02-10-1979	Nữ	Luật quốc tế		

Tổng số 23 thí sinh Số thí sinh chính thức dự thi: Số bài thi: Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH

Trường Đại học Luật Hà Nội

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

Điểm thi : **Trường Đại học Luật Hà Nội**

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	Phái	Chuyên ngành	Số tờ	Ký tên
1	C.00001	Bùi Phương	Anh	16-01-1995	Nữ	Luật Dân sự và TTDS		
2	.00002	Bùi Bảo	Anh	24-08-1993		Luật Dân sự và TTDS		
3	.00003	Đào Quỳnh	Anh	01-03-1998	Nữ	Luật Dân sự và TTDS		
4	.00010	Nguyễn Hà Đức	Anh	29-11-1990		Luật Dân sự và TTDS		
5	.00011	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	18-02-1997	Nữ	Luật Dân sự và TTDS		
6	.00025	Nguyễn Đình	Bảy	18-10-1988		Luật Dân sự và TTDS		
7	.00028	Trần Thị	Bích	26-01-1987	Nữ	Luật Dân sự và TTDS		
8	.00032	Nguyễn Thị Huệ	Chi	27-06-1997	Nữ	Luật Dân sự và TTDS		
9	.00034	Nguyễn Thị Thu	Chuyên	15-12-1997	Nữ	Luật Dân sự và TTDS		
10	.00051	Chu Bá	Định	22-11-1990		Luật Dân sự và TTDS		
11	.00052	Bùi Thị Phương	Đông	24-01-1996	Nữ	Luật Dân sự và TTDS		
12	.00055	Lỗ Chí Anh	Đức	22-03-1998		Luật Dân sự và TTDS		
13	.00056	Bùi Thị Trà	Giang	02-01-1994	Nữ	Luật Dân sự và TTDS		
14	.00057	Nguyễn Thị Thu	Giang	13-12-1997	Nữ	Luật Dân sự và TTDS		
15	.00063	Trần Trọng	Hải	06-08-1997		Luật Dân sự và TTDS		
16	.00065	Lê Thị	Hảo	10-10-1994	Nữ	Luật Dân sự và TTDS		
17	.00067	Đỗ Thị Hồng	Hạnh	15-06-1996	Nữ	Luật Dân sự và TTDS		
18	.00081	Đỗ Thị	Hoa	27-05-1998	Nữ	Luật Dân sự và TTDS		
19	.00090	Ngô Xuân	Huy	18-12-1987		Luật Dân sự và TTDS		
20	.00091	Nguyễn Quang	Huy	01-11-1998		Luật Dân sự và TTDS		
21	.00092	Nguyễn Quang	Huy	01-12-1998		Luật Dân sự và TTDS		
22	.00095	Âu Thị	Huyền	22-05-1995	Nữ	Luật Dân sự và TTDS		
23	.00099	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	17-06-1997	Nữ	Luật Dân sự và TTDS		
24	.00105	Nguyễn Mạnh	Hùng	15-09-1996		Luật Dân sự và TTDS		
25	.00109	Phạm Diệu	Hương	17-02-1995	Nữ	Luật Dân sự và TTDS		
26	.00110	Phùng Thị Diễm	Hương	07-06-1996	Nữ	Luật Dân sự và TTDS		
27	.00111	Trần Mai	Hương	17-07-1997	Nữ	Luật Dân sự và TTDS		
28	.00113	Vương Thị Mai	Hương	15-02-1975	Nữ	Luật Dân sự và TTDS		
29	.00115	Nguyễn Sỹ	Kiểm	02-10-1992		Luật Dân sự và TTDS		
30	.00117	Nguyễn Danh	Kiên	02-10-1998		Luật Dân sự và TTDS		
31	.00118	Nguyễn Đức	Kiên	05-10-1976		Luật Dân sự và TTDS		

Tổng số 31 thí sinh Số thí sinh chính thức dự thi: Số bài thi: Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH
Trường Đại học Luật Hà Nội

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

Điểm thi : **Trường Đại học Luật Hà Nội**

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	Phái	Chuyên ngành	Số tờ	Ký tên
1	C.00123	Phạm Thị Thanh	Lan	28-04-1992	Nữ	Luật Dân sự và TTDS		
2	.00124	Đỗ Đình	Lâm	15-03-1989		Luật Dân sự và TTDS		
3	.00135	Hoàng Mạnh	Linh	05-07-1989		Luật Dân sự và TTDS		
4	.00139	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	05-06-1997	Nữ	Luật Dân sự và TTDS		
5	.00141	Nguyễn Thị Lam	Linh	23-01-1998	Nữ	Luật Dân sự và TTDS		
6	.00151	Nguyễn Thị Hồng	Loan	23-05-1998	Nữ	Luật Dân sự và TTDS		
7	.00154	Vũ Châu	Long	16-02-1997		Luật Dân sự và TTDS		
8	.00157	Ma Đức	Lượng	04-12-1996		Luật Dân sự và TTDS		
9	.00161	Đỗ Ngọc	Mai	30-12-1998	Nữ	Luật Dân sự và TTDS		
10	.00164	Lâm Đức	Mạnh	09-09-1997		Luật Dân sự và TTDS		
11	.00167	Lê Trọng	Minh	23-11-1993		Luật Dân sự và TTDS		
12	.00168	Mai Hồng	Minh	15-12-1996	Nữ	Luật Dân sự và TTDS		
13	.00169	Đặng Huyền	My	17-11-1998	Nữ	Luật Dân sự và TTDS		
14	.00183	Đinh Thị Minh	Nguyệt	22-07-1997	Nữ	Luật Dân sự và TTDS		
15	.00189	Trần Thị My	Ni	28-03-1987	Nữ	Luật Dân sự và TTDS		
16	.00192	Nguyễn Thanh	Phong	26-07-1997		Luật Dân sự và TTDS		
17	.00203	Đàm Ngọc	Quang	13-05-1998		Luật Dân sự và TTDS		
18	.00208	Nguyễn Thị	Quyên	19-10-1992	Nữ	Luật Dân sự và TTDS		
19	.00211	Đặng Thị Như	Quỳnh	07-10-1998	Nữ	Luật Dân sự và TTDS		
20	.00220	Nguyễn Văn	Tài	20-08-1996		Luật Dân sự và TTDS		
21	.00231	Phạm Hoàng	Thanh	25-11-1996		Luật Dân sự và TTDS		
22	.00232	Nguyễn Duy	Thái	18-09-1995		Luật Dân sự và TTDS		
23	.00233	Nguyễn Đức	Thái	24-04-1997		Luật Dân sự và TTDS		
24	.00238	Đặng Thị Phương	Thảo	26-12-1997	Nữ	Luật Dân sự và TTDS		
25	.00249	Nguyễn Hữu	Thọ	18-03-1997		Luật Dân sự và TTDS		
26	.00268	Nguyễn Thị Thanh	Trang	05-06-1998	Nữ	Luật Dân sự và TTDS		
27	.00275	Trần Huệ	Trình	07-08-1997	Nữ	Luật Dân sự và TTDS		
28	.00286	Nguyễn Văn	Tuấn	14-03-1980		Luật Dân sự và TTDS		
29	.00288	Nguyễn Đức	Tuấn	25-05-1990		Luật Dân sự và TTDS		
30	.00301	Hoàng Thị	Vân	19-02-1997	Nữ	Luật Dân sự và TTDS		
31	.00304	Nguyễn Thành	Vũ	24-07-1993		Luật Dân sự và TTDS		

Tổng số 31 thí sinh Số thí sinh chính thức dự thi: Số bài thi: Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH
Trường Đại học Luật Hà Nội

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

Điểm thi : **Trường Đại học Luật Hà Nội**

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	Phái	Chuyên ngành	Số tờ	Ký tên
1	C.00004	Đỗ Hà	Anh	26-08-1997	Nữ	Luật Kinh tế		
2	.00007	Lê Việt	Anh	10-11-1996	Nữ	Luật Kinh tế		
3	.00008	Lê Hồng	Anh	28-08-1989		Luật Kinh tế		
4	.00012	Nguyễn Trọng Tùng	Anh	11-08-1997		Luật Kinh tế		
5	.00015	Nguyễn Hà	Anh	19-09-1997	Nữ	Luật Kinh tế		
6	.00017	Phạm Thị Ngọc	Anh	09-06-1997	Nữ	Luật Kinh tế		
7	.00020	Vũ Lê Hà	Anh	24-11-1996	Nữ	Luật Kinh tế		
8	.00021	Vũ Đức	Anh	09-08-1993		Luật Kinh tế		
9	.00023	Nguyễn Hải	An	30-07-1994		Luật Kinh tế		
10	.00027	Nguyễn Ngọc	Bích	25-11-1997	Nữ	Luật Kinh tế		
11	.00031	Trần Minh	Châu	11-02-1997	Nữ	Luật Kinh tế		
12	.00037	Vũ Huy	Cường	17-07-1981		Luật Kinh tế		
13	.00040	Đào Thị	Duyên	27-01-1984	Nữ	Luật Kinh tế		
14	.00041	Nguyễn Thị	Duyên	23-10-1987	Nữ	Luật Kinh tế		
15	.00043	Đào Minh	Dũng	21-07-1997		Luật Kinh tế		
16	.00044	Nguyễn Tiến	Dũng	04-08-1992		Luật Kinh tế		
17	.00046	Chu Thùy	Dương	08-08-1997	Nữ	Luật Kinh tế		
18	.00047	Hà Văn	Dương	05-10-1995		Luật Kinh tế		
19	.00048	Ngô Thùy	Dương	23-11-1998	Nữ	Luật Kinh tế		
20	.00050	Phạm Triệu	Điện	12-05-1995		Luật Kinh tế		
21	.00053	Hà Văn	Độ	21-07-1982		Luật Kinh tế		
22	.00059	Phạm Thanh	Giang	09-05-1995		Luật Kinh tế		
23	.00066	Đặng Thị	Hạnh	04-06-1997	Nữ	Luật Kinh tế		
24	.00068	Đường Thị Mỹ	Hạnh	10-02-1998	Nữ	Luật Kinh tế		
25	.00069	Nguyễn Thúy	Hạnh	20-09-1998	Nữ	Luật Kinh tế		
26	.00071	Bùi Minh	Hàng	24-12-1996	Nữ	Luật Kinh tế		
27	.00072	Trần Minh	Hàng	21-01-1998	Nữ	Luật Kinh tế		
28	.00073	Vũ Thị Minh	Hàng	31-05-1997	Nữ	Luật Kinh tế		
29	.00074	Nguyễn Hoàng	Hiến	21-02-1977		Luật Kinh tế		
30	.00076	Phan Công	Hiếu	04-12-1994		Luật Kinh tế		
31	.00080	Tưởng Thị Thuý	Hiên	08-07-1997	Nữ	Luật Kinh tế		

Tổng số 31 thí sinh Số thí sinh chính thức dự thi: Số bài thi: Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH
Trường Đại học Luật Hà Nội

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

Điểm thi : **Trường Đại học Luật Hà Nội**

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	Phái	Chuyên ngành	Số tờ	Ký tên
1	C.00083	Phan Sỹ	Hoàng	19-05-1994		Luật Kinh tế		
2	.00084	Vũ Gia	Hoàng	25-01-1990		Luật Kinh tế		
3	.00094	Nguyễn Đức	Huy	27-11-1998		Luật Kinh tế		
4	.00097	Hà Thanh	Huyền	25-09-1997	Nữ	Luật Kinh tế		
5	.00103	Vũ Thị Minh	Huyền	29-11-1997	Nữ	Luật Kinh tế		
6	.00104	Tống Nhật	Huy	08-06-1996		Luật Kinh tế		
7	.00107	Lê Thị Thanh	Hương	23-09-1987	Nữ	Luật Kinh tế		
8	.00108	Nguyễn Mai	Hương	12-01-1989	Nữ	Luật Kinh tế		
9	.00116	Dương Trung	Kiên	22-08-1990		Luật Kinh tế		
10	.00125	Nguyễn Tùng	Lâm	21-03-1997		Luật Kinh tế		
11	.00126	Đỗ Nhật	Lệ	20-04-1996	Nữ	Luật Kinh tế		
12	.00128	Bùi Nguyễn Diệu	Linh	22-03-1994	Nữ	Luật Kinh tế		
13	.00129	Bùi Thị Phương	Linh	07-03-1997	Nữ	Luật Kinh tế		
14	.00130	Chu Khánh	Linh	18-02-1996	Nữ	Luật Kinh tế		
15	.00132	Đào Phương	Linh	20-08-1992	Nữ	Luật Kinh tế		
16	.00133	Đinh Thị Hà	Linh	24-09-1998	Nữ	Luật Kinh tế		
17	.00138	Ngô Ngọc	Linh	07-07-1998	Nữ	Luật Kinh tế		
18	.00140	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	25-12-1997	Nữ	Luật Kinh tế		
19	.00144	Nguyễn Hoàng	Linh	27-02-1983		Luật Kinh tế		
20	.00145	Phan Nhật	Linh	15-02-1996	Nữ	Luật Kinh tế		
21	.00146	Phạm Ngọc Khánh	Linh	15-01-1997	Nữ	Luật Kinh tế		
22	.00147	Phạm Mỹ	Linh	07-11-1996	Nữ	Luật Kinh tế		
23	.00148	Trần Thị Thùy	Linh	22-03-1995	Nữ	Luật Kinh tế		
24	.00149	Văn Thùy	Linh	03-10-1994	Nữ	Luật Kinh tế		
25	.00150	Vũ Diệu	Linh	28-09-1997	Nữ	Luật Kinh tế		
26	.00153	Phạm Thanh	Long	06-01-1997		Luật Kinh tế		
27	.00156	Lê Minh	Luân	22-10-1996		Luật Kinh tế		
28	.00158	Dương Khánh	Ly	01-10-1994	Nữ	Luật Kinh tế		
29	.00162	Lê Hoàng Thanh	Mai	23-05-1997	Nữ	Luật Kinh tế		
30	.00170	Sùng Thị	My	15-05-1998	Nữ	Luật Kinh tế		
31	.00172	Nguyễn Phú	Mỹ	19-05-1975		Luật Kinh tế		

Tổng số 31 thí sinh Số thí sinh chính thức dự thi: Số bài thi: Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH
Trường Đại học Luật Hà Nội

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

Điểm thi : **Trường Đại học Luật Hà Nội**

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	Phái	Chuyên ngành	Số tờ	Ký tên
1	C.00173	Lê Đình Hải	Nam	04-07-1994		Luật Kinh tế		
2	.00176	Trần Đức	Nam	23-08-1998		Luật Kinh tế		
3	.00180	Lê Hà An	Ngọc	28-10-1998	Nữ	Luật Kinh tế		
4	.00182	Nguyễn Thị	Ngọc	27-08-1997	Nữ	Luật Kinh tế		
5	.00184	Lê Thị Thanh	Nhàn	30-03-1997	Nữ	Luật Kinh tế		
6	.00185	Tạ Thị Thanh	Nhàn	08-10-1997	Nữ	Luật Kinh tế		
7	.00186	Hoàng Văn	Nhất	23-05-1996		Luật Kinh tế		
8	.00187	Trịnh Ngọc	Nhất	27-02-1998		Luật Kinh tế		
9	.00188	Nguyễn Thị	Nhung	09-07-1996	Nữ	Luật Kinh tế		
10	.00190	Phùng Thị Kiều	Oanh	14-06-1997	Nữ	Luật Kinh tế		
11	.00194	Lý Thị Mai	Phương	26-12-1994	Nữ	Luật Kinh tế		
12	.00197	Nguyễn Thị Mai	Phương	19-02-1984	Nữ	Luật Kinh tế		
13	.00200	Trịnh Thùy	Phương	24-12-1996	Nữ	Luật Kinh tế		
14	.00204	Hồ Xuân	Quang	29-11-1993		Luật Kinh tế		
15	.00209	Phùng	Quyết	22-09-1991		Luật Kinh tế		
16	.00212	Khuất Thị	Quỳnh	09-04-1994		Luật Kinh tế		
17	.00214	Dương Hồng	Sơn	18-02-1997		Luật Kinh tế		
18	.00216	Nguyễn Việt	Sơn	16-09-1997		Luật Kinh tế		
19	.00217	Nguyễn Huy	Sơn	21-11-1997		Luật Kinh tế		
20	.00219	Đào Xuân	Tài	25-11-1994		Luật Kinh tế		
21	.00223	Nguyễn Minh	Tâm	26-01-1995	Nữ	Luật Kinh tế		
22	.00224	Phạm Thị Thanh	Tâm	11-07-1974	Nữ	Luật Kinh tế		
23	.00227	Nguyễn Tiến	Thanh	10-09-1973		Luật Kinh tế		
24	.00235	Nguyễn Đức	Thành	14-05-1998		Luật Kinh tế		
25	.00237	Cao Thanh	Thảo	02-06-1996	Nữ	Luật Kinh tế		
26	.00239	Đỗ Thị Phương	Thảo	04-09-1994	Nữ	Luật Kinh tế		
27	.00240	Hà Phương	Thảo	12-09-1995	Nữ	Luật Kinh tế		
28	.00241	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	20-06-1998	Nữ	Luật Kinh tế		
29	.00242	Nguyễn Phương	Thảo	10-10-1997	Nữ	Luật Kinh tế		
30	.00243	Phạm Thị	Thảo	11-11-1997	Nữ	Luật Kinh tế		
31	.00251	Nguyễn Thị Minh	Thu	03-08-1978	Nữ	Luật Kinh tế		

Tổng số 31 thí sinh Số thí sinh chính thức dự thi: Số bài thi: Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH
Trường Đại học Luật Hà Nội

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

Điểm thi : **Trường Đại học Luật Hà Nội**

Trang 10

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	Phái	Chuyên ngành	Số tờ	Ký tên
1	C.00254	Ninh Thị	Thúy	30-12-1997	Nữ	Luật Kinh tế		
2	.00255	Vũ Thị Phương	Thúy	02-07-1997	Nữ	Luật Kinh tế		
3	.00256	Nguyễn Thị Thu	Thủy	20-04-1996	Nữ	Luật Kinh tế		
4	.00258	Đỗ Ngọc Anh	Thư	12-08-1997	Nữ	Luật Kinh tế		
5	.00259	Nguyễn Lộc Trang	Thư	06-02-1998	Nữ	Luật Kinh tế		
6	.00261	Nguyễn Văn	Thường	12-12-1991		Luật Kinh tế		
7	.00263	Đào Văn	Tiến	13-02-1998		Luật Kinh tế		
8	.00267	Lục Thị Kiều	Trang	18-11-1997	Nữ	Luật Kinh tế		
9	.00270	Nguyễn Kiều	Trang	18-11-1998	Nữ	Luật Kinh tế		
10	.00273	Trịnh Ngọc Hương	Trà	04-12-1997	Nữ	Luật Kinh tế		
11	.00274	Phùng Thị Ngọc	Trinh	30-05-1997	Nữ	Luật Kinh tế		
12	.00276	Bùi Việt	Trung	06-03-1997		Luật Kinh tế		
13	.00277	Nguyễn Đức	Trung	06-11-1983		Luật Kinh tế		
14	.00281	Nguyễn Quân	Trường	04-10-1990		Luật Kinh tế		
15	.00283	Nguyễn Văn	Tuân	12-10-1988		Luật Kinh tế		
16	.00289	Trần Quốc	Tuấn	30-01-1996		Luật Kinh tế		
17	.00291	Nguyễn Cẩm	Tú	14-02-1997	Nữ	Luật Kinh tế		
18	.00292	Thiều Thị	Tú	19-08-1977	Nữ	Luật Kinh tế		
19	.00293	Trần Thị Cẩm	Tú	30-08-1997	Nữ	Luật Kinh tế		
20	.00294	Trần Nguyên	Tú	22-01-1977		Luật Kinh tế		
21	.00296	Phạm Thanh	Tùng	29-11-1998		Luật Kinh tế		
22	.00297	Trần Thanh	Tùng	14-02-1992		Luật Kinh tế		
23	.00299	Nguyễn Mạnh	Tường	01-04-1986		Luật Kinh tế		
24	.00303	Nguyễn Anh	Văn	26-05-1987		Luật Kinh tế		
25	.00306	Đặng Minh	Vương	25-08-1991		Luật Kinh tế		
26	.00308	Đỗ Thị Hải	Yến	05-08-1993	Nữ	Luật Kinh tế		
27	.00309	Đỗ Thị	Yến	01-12-1995	Nữ	Luật Kinh tế		
28	.00310	Nguyễn Thị Hải	Yến	10-01-1997	Nữ	Luật Kinh tế		
29	.00311	Phạm Hoàng	Yến	17-09-1996	Nữ	Luật Kinh tế		
30	.00312	Bùi Thị Như	ý	25-09-1997	Nữ	Luật Kinh tế		

Tổng số 30 thí sinh Số thí sinh chính thức dự thi: Số bài thi: Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH

Trường Đại học Luật Hà Nội

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai